

Số: 90 /2018/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 19 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng
cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Ninh Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Ninh Thuận tại Tờ trình số 208/TTr-HĐQL ngày 18 tháng 9 năm 2018, ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 2602/STC-VP ngày 03/10/2018, Báo cáo thẩm định số 1800/BC-STP ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Sở Tư pháp và ý kiến trình của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3126/TTr-SNV ngày 11 tháng 10 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Ninh Thuận, bao gồm 6 Chương và 30 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 29 tháng 10 năm 2018 và thay thế các Quyết định sau:

- Quyết định số 165/2008/QĐ-UBND ngày 23/6/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 19/2011/QĐ-UBND ngày 08/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Ninh Thuận ban



hành kèm Quyết định số 165/2008/QĐ-UBND ngày 23/6/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc tỉnh; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Ninh Thuận; Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Ninh Thuận và Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *b₂*

- Như Điều 2;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Tài chính;
 - Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
 - Vụ pháp chế (Bộ Tài chính);
 - Vụ Pháp chế (Bộ Nội vụ);
 - Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
 - Đoàn ĐBQH tỉnh;
 - TT. HĐND các huyện, thành phố;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Trung tâm Tin học – Công báo tỉnh;
 - Công thông tin điện tử tỉnh;
 - Lưu: VPUB (LĐ, TH, VT).
- LTP:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lưu Xuân Vĩnh

ĐIỀU LỆ

**Tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng
cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Ninh Thuận**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 90 /2018/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, trụ sở và vốn điều lệ

1. Tên gọi:
 - Tên tiếng Việt: Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Ninh Thuận.
 - Tên tiếng Việt gọi tắt: Quỹ bảo lãnh tín dụng Ninh Thuận.
 - Tên giao dịch quốc tế: Ninh Thuan Credit Guarantee Fund For Medium And Small Enterprises.
 - Tên giao dịch quốc tế viết tắt: NCGF.
2. Trụ sở chính: Số 59 đường 16 tháng 4, phường Thanh Sơn, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.
Số điện thoại: 0259.3838845 – Fax: 0259.3828585.
3. Vốn điều lệ của Quỹ: 30 tỷ đồng (ba mươi tỷ đồng), do ngân sách Nhà nước cấp.

Điều 2. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và đại diện theo pháp luật

1. Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là Quỹ bảo lãnh tín dụng) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng cấp bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật hiện hành. Quỹ bảo lãnh tín dụng hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Quỹ bảo lãnh tín dụng có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có báo cáo tài chính riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các

ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ bảo lãnh tín dụng là Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng.

Điều 3. Thời hạn, nội dung và phạm vi hoạt động

1. Thời hạn hoạt động: Quỹ bảo lãnh tín dụng hoạt động không thời hạn và theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nội dung và phạm vi hoạt động:

Quỹ bảo lãnh tín dụng (bên bảo lãnh) ký hợp đồng bảo lãnh tín dụng với khách hàng là doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (bên được bảo lãnh) theo từng hợp đồng vay vốn; đồng thời phát hành chứng thư bảo lãnh để tổ chức tín dụng cho vay (bên nhận bảo lãnh) cam kết bảo lãnh khoản vay của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động

1. Quỹ bảo lãnh tín dụng hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, bảo đảm an toàn vốn.

2. Quỹ bảo lãnh tín dụng chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của mình.

3. Quỹ bảo lãnh tín dụng chỉ được thực hiện cấp bảo lãnh tín dụng đối với các khoản vay đúng đối tượng và đủ điều kiện bảo lãnh theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Quỹ bảo lãnh tín dụng ưu tiên thực hiện bảo lãnh tín dụng đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc các lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương II

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG

Điều 5. Trách nhiệm của Quỹ bảo lãnh tín dụng

1. Thực hiện cấp bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo đúng đối tượng và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Sử dụng vốn đúng mục đích để thực hiện bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Thực hiện chế độ kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

h₂

4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Cung cấp số liệu, công bố công khai về quy chế hoạt động, cơ chế tài chính, kế hoạch tài chính, kết quả hoạt động của Quỹ và báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật.

6. Mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro hoạt động bảo lãnh tín dụng và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật để đảm bảo an toàn cho Quỹ bảo lãnh tín dụng.

7. Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng.

Điều 6. Quyền hạn của Quỹ bảo lãnh tín dụng

1. Tổ chức và hoạt động phù hợp với mục tiêu và phạm vi hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Được lựa chọn các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh khả thi, có hiệu quả, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Ủy ban nhân dân tỉnh và đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để quyết định cấp bảo lãnh tín dụng.

3. Được tuyển chọn, bố trí, sử dụng, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Được từ chối mọi yêu cầu của bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào về việc cung cấp thông tin và các nguồn lực của Quỹ bảo lãnh tín dụng nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ này.

Điều 7. Cơ cấu tổ chức và hoạt động

Cơ cấu tổ chức quản lý của Quỹ bảo lãnh tín dụng hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm gồm có:

1. Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng.
2. Kiểm-soát viên.
3. Giám đốc Quỹ bảo lãnh tín dụng.

Điều 8. Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng

1. Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm và hoạt động kiêm nhiệm theo mô hình ủy thác đã được UBND tỉnh quyết định.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng

- a) Là công dân Việt Nam theo quy định của pháp luật;
- b) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đủ sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ;

c) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 05 năm là người quản lý, điều hành trong các lĩnh vực về kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm;

d) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc của Quỹ bảo lãnh tín dụng.

3. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm, trung và dài hạn của Quỹ bảo lãnh tín dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Quyết định phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm của Quỹ bảo lãnh tín dụng sau khi có ý kiến thẩm định của Kiểm soát viên và ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Quyết định phương án tổ chức hoạt động, biên chế, tổ chức bộ máy quản lý Quỹ bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật liên quan sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận về chủ trương;

d) Quyết định ban hành các Quy chế cấp bảo lãnh tín dụng, Quy chế quản lý tài chính và huy động vốn, Quy chế quản lý và sử dụng các quỹ, Quy chế xử lý rủi ro và các văn bản quản lý nội bộ khác quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

đ) Quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý Quỹ bảo lãnh tín dụng thuộc thẩm quyền quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

e) Quyết định hoặc ủy quyền cho Giám đốc Quỹ quyết định phương án huy động vốn, đầu tư, xây dựng, mua bán tài sản cố định và các hoạt động khác theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

g) Thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

Điều 9. Kiểm soát viên Quỹ bảo lãnh tín dụng

1. Kiểm soát viên Quỹ bảo lãnh tín dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm để giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm soát việc tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý, điều hành của Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng và các nội dung khác có liên quan.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm Kiểm soát viên:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a, điểm b và điểm d khoản 2 Điều 8 Điều lệ này;

b) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 03 năm là người quản lý, điều hành trong các lĩnh vực về kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm.

3. Chế độ hoạt động, trách nhiệm và quyền hạn, việc bổ nhiệm của Kiểm soát viên Quỹ bảo lãnh tín dụng, mối quan hệ giữa Kiểm soát viên với các tổ chức, cá nhân có liên quan và các nội dung khác thực hiện theo Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ bảo lãnh tín dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, phù hợp với các quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Giám đốc Quỹ bảo lãnh tín dụng

1. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm Giám đốc Quỹ bảo lãnh tín dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Điều lệ này.

2. Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc Quỹ bảo lãnh tín dụng

a) Tổ chức điều hành mọi hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng; thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các quyết định của Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Quỹ bảo lãnh tín dụng; quyết định phương án đầu tư, huy động vốn, sử dụng vốn, phương án mua, bán, cho thuê, thanh lý tài sản và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

c) Đề xuất, xây dựng trình Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng quyết định theo thẩm quyền về chiến lược hoạt động, kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn và kế hoạch hàng năm, kế hoạch nhân sự, tiền lương của Quỹ bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành; tổ chức thực hiện các kế hoạch này sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Ban hành các văn bản quản lý nội bộ và các quy định khác liên quan đến hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

đ) Trình Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

e) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo yêu cầu quản lý của Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

Điều 11. Tổ chức điều hành hoạt động Quỹ bảo lãnh tín dụng

Quỹ bảo lãnh tín dụng được ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh tổ chức quản lý điều hành được thực hiện thông qua Hợp đồng ủy thác giữa hai bên, trong đó có các nội dung: Phạm vi ủy thác; tổ chức bộ máy; nội dung ủy thác; quy trình ủy thác; trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn giữa bên ủy thác và bên nhận ủy thác, rủi ro phát sinh, trách nhiệm của các bên và các nội dung khác có liên quan.

Chương III

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO

Điều 12. Chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán và báo cáo

1. Quỹ bảo lãnh tín dụng thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
2. Năm tài chính của Quỹ bảo lãnh tín dụng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.
3. Báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ bảo lãnh tín dụng phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc kiểm toán nhà nước và được công khai theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Nguyên tắc quản lý tài chính

Thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương IV

CÁC MỐI QUAN HỆ CỦA QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG

Điều 14. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

Quỹ bảo lãnh tín dụng chịu sự chỉ đạo toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, có trách nhiệm báo cáo toàn bộ hoạt động thuộc lĩnh vực bảo lãnh tín dụng trên địa bàn tỉnh cho Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ hoặc đột xuất, đồng thời tổ chức triển khai các Quyết định, Chỉ thị và văn bản khác của Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng.

Điều 15. Đối với các cơ quan chuyên môn ở Bộ ngành Trung ương

Quỹ bảo lãnh tín dụng chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ và chấp hành các chế độ báo cáo theo qui định.

Điều 16. Đối với các Sở, cơ quan ngang Sở, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

Quỹ bảo lãnh tín dụng có mối quan hệ bình đẳng, phối hợp để thực hiện tốt những nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Quỹ bảo lãnh tín dụng có trách nhiệm thực hiện tốt những hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành của các Sở, cơ quan ngang sở, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan đến các hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng.

Điều 17. Đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh

Quỹ bảo lãnh tín dụng có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh để hướng dẫn, giám sát và kiểm tra các hoạt động của các đối tượng có liên quan đến việc bảo lãnh tín dụng.

Điều 18. Đối với các tổ chức tín dụng

Quỹ bảo lãnh tín dụng phối hợp chặt chẽ với các tổ chức tín dụng thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay, tình hình sản xuất kinh doanh, xác định khả năng tài chính của bên được bảo lãnh để đôn đốc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho tổ chức tín dụng cho vay vốn và các vấn đề khác có liên quan đến bảo lãnh.

Điều 19. Đối với bên được bảo lãnh

Bên được bảo lãnh có trách nhiệm báo cáo và chịu sự kiểm tra theo định kỳ hoặc đột xuất của Quỹ bảo lãnh tín dụng về tình hình hoạt động của bên được bảo lãnh có liên quan đến giao dịch được bảo lãnh tín dụng. Nội dung báo cáo, chế độ kiểm tra của Quỹ bảo lãnh tín dụng do các bên thoả thuận và được ghi trong Hợp đồng bảo lãnh tín dụng.

Chương V**XỬ LÝ TRANH CHẤP, CƠ CẤU LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN
QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG****Điều 20. Xử lý tranh chấp**

Mọi tranh chấp giữa Quỹ bảo lãnh tín dụng với các tổ chức và cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng được giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 21. Cơ cấu lại và giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng

Căn cứ kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

1. Cơ cấu lại bộ máy tổ chức quản trị, điều hành và các hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng có tổ chức và hoạt động chưa tuân thủ các quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành, hoạt động chưa hiệu quả.

2. Giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng đã được cơ cấu lại theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng hoạt động không hiệu quả, không đúng mục tiêu thành lập Quỹ, hoạt động không đúng quy định của pháp luật và các trường hợp buộc phải giải thể theo quy định tại Điều 22 Điều lệ này.

Điều 22. Các trường hợp phải giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng

Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng trong các trường hợp sau đây:

1. Quỹ bảo lãnh tín dụng không có đủ vốn điều lệ tối thiểu theo quy định tại khoản 4 Điều 64 Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ.

2. Tỷ lệ dư nợ cấp bảo lãnh tín dụng trên vốn điều lệ thực có của Quỹ bảo lãnh tín dụng tại thời điểm 31 tháng 12 hàng năm thấp hơn 10% trong 05 năm liên tiếp kể từ khi Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ có hiệu lực thi hành.

3. Tỷ lệ nợ xấu của Quỹ bảo lãnh tín dụng cao hơn 50% vốn điều lệ thực có của Quỹ trong 03 năm liên tiếp.

Điều 23. Hội đồng giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng giải thể để tổ chức việc thực hiện giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng. Hội đồng giải thể có chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về phương án giải thể và tổ chức thực hiện giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng.

2. Hội đồng giải thể gồm đại diện các cơ quan sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng giải thể là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- b) Lãnh đạo Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- c) Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Ninh Thuận;
- d) Chủ tịch, Kiểm soát viên của Quỹ bảo lãnh tín dụng;
- đ) Đại diện của các cơ quan liên quan (nếu cần thiết) theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 24. Quy trình giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng

1. Trường hợp Quỹ bảo lãnh tín dụng phải giải thể theo quy định tại Điều lệ này, Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng giải thể theo quy định tại Điều 23 Điều lệ này. Hội đồng giải thể có trách nhiệm xây dựng phương án giải thể, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi quyết định giải thể. Phương án giải thể bao gồm các nội dung sau:

a) Tổ chức kiểm toán độc lập để đánh giá thực trạng tài chính và xác định giá trị thực của vốn điều lệ, trừ trường hợp đã có báo cáo tài chính được kiểm toán độc lập trong vòng 6 tháng trước thời điểm quyết định giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng;

b) Phương án thanh lý tài sản, xử lý nguồn vốn điều lệ, các khoản bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đang thực hiện và thanh toán các khoản nợ của Quỹ bảo lãnh tín dụng;

c) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;

d) Nội dung chấm dứt toàn bộ quyền, lợi ích của Quỹ bảo lãnh tín dụng.

2. Sau khi phương án giải thể được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng theo các nội dung quy định tại Điều 25 Điều lệ này.

3. Sau khi có quyết định giải thể:

a) Quỹ bảo lãnh tín dụng có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 26 Điều lệ này.

b) Hội đồng giải thể có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 27 Điều lệ này;

4. Hội đồng giải thể tự động chấm dứt hoạt động khi Quỹ bảo lãnh tín dụng đã hoàn tất các thủ tục giải thể theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Thời gian giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng không quá 02 năm kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định gia hạn thời gian giải thể nhưng tối đa không quá 01 năm.

Điều 25. Quyết định giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng

1. Quyết định giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng phải có các nội dung chủ yếu như sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Quỹ bảo lãnh tín dụng bị giải thể;

b) Lý do giải thể;

c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Quỹ bảo lãnh tín dụng; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 01 năm, kể từ ngày có quyết định giải thể;

d) Thu hồi trước hạn hoặc chuyển giao các khoản đã trả nợ thay cho một đơn vị chuyên môn tiếp tục theo dõi, thu nợ vốn Quỹ đã trả nợ thay;

đ) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động.

2. Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày ra quyết định giải thể, Ủy ban nhân dân tỉnh phải báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam biết và công bố rộng rãi việc giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và trung ương.

Điều 26. Trách nhiệm của Quỹ bảo lãnh tín dụng sau khi có quyết định giải thể

1. Kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực, Quỹ bảo lãnh tín dụng có trách nhiệm thực hiện triển khai các nhiệm vụ:

a) Chấm dứt hoạt động bảo lãnh tín dụng và các hoạt động có liên quan;

b) Khóa sổ kế toán; kiểm kê tài sản; đối chiếu công nợ phải thu, phải trả, lập báo cáo tài chính đến thời điểm quyết định giải thể có hiệu lực;

c) Lập danh sách các khoản tiền gửi tại các tổ chức tài chính của Quỹ bảo lãnh tín dụng; nợ phải trả, danh sách khách hàng đang bảo lãnh tín dụng và số nợ gốc, lãi phải thu (chia ra nợ có khả năng thu hồi và nợ không có khả năng thu hồi); các khoản vốn huy động của Quỹ bảo lãnh tín dụng;

d) Gửi văn bản đề nghị cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của Quỹ.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ khi quyết định giải thể có hiệu lực, Quỹ bảo lãnh tín dụng phải bàn giao cho Hội đồng giải thể:

a) Báo cáo tài chính, sổ sách kế toán và các tài liệu liên quan đến việc giải thể của Quỹ; danh sách các khoản bảo lãnh tín dụng và trả nợ thay;

b) Toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng hợp pháp của Quỹ bảo lãnh tín dụng (kể cả tài sản chưa thu hồi được).

Điều 27. Trách nhiệm của Hội đồng giải thể sau khi có quyết định giải thể

1. Sau khi có quyết định giải thể, Hội đồng giải thể có trách nhiệm:

a) Thu hồi con dấu của Quỹ bảo lãnh tín dụng để phục vụ việc giải thể;

b) Tổ chức giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng theo phương án được duyệt;

c) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày kết thúc việc giải thể, Hội đồng giải thể báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả giải thể Quỹ bảo lãnh tín dụng.

2. Hội đồng giải thể được sử dụng con dấu của Quỹ bảo lãnh tín dụng để phục vụ công tác giải thể và yêu cầu các cơ quan nhà nước có liên quan hỗ trợ việc thu hồi tài sản.

Điều 28. Phá sản Quỹ bảo lãnh tín dụng

Việc phá sản Quỹ bảo lãnh tín dụng được thực hiện theo quy định của Luật phá sản và các văn bản hướng dẫn.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Trong quá trình thực hiện xét thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Đối với những nội dung không quy định tại Điều lệ này thì áp dụng theo quy định của pháp luật, trường hợp pháp luật có quy định mới liên quan đến nội dung của Điều lệ thì sẽ áp dụng theo quy định của pháp luật.

h

Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với việc thực hiện các hợp đồng, chứng thư bảo lãnh và các cam kết đã ký giữa Quỹ bảo lãnh tín dụng, bên nhận bảo lãnh và bên được bảo lãnh trước khi Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ có hiệu lực thi hành:

Các trường hợp đã được Quỹ bảo lãnh tín dụng ký hợp đồng bảo lãnh, chứng thư bảo lãnh vay vốn tại các tổ chức cho vay trước khi Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết tại hợp đồng bảo lãnh, chứng thư bảo lãnh và các thỏa thuận khác theo quy định tại Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối với các trường hợp được Quỹ bảo lãnh tín dụng ký hợp đồng bảo lãnh, chứng thư bảo lãnh vay vốn tại các tổ chức cho vay sau khi Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ có hiệu lực thi hành thì phải tuân thủ theo đúng quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ.

3. Đối với số dư quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ theo quy định tại Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được chuyển vào quỹ đầu tư phát triển quy định tại Điều 43 Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ./.



Lưu Xuân Vinh